

Bản án số: 294/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2021
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Quốc Trọng.
2. Ông Vũ Ngọc Tiên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trà Thị Thúy Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 Đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 487/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phước Tr, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 111 I Đường N, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: Số 376/64 Đường N, Phường 4, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phan Trúc T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 111 I Đường N, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Trần Thị Phước Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Phan Trúc T chung sống từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn từ năm 14/01/2000 tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, và đến năm 2017 mâu thuẫn trầm trọng. Sau nhiều lần hàn gắn, hòa giải nhưng không có kết quả. Ông T rất thô lỗ, chửi bới đánh đập bà. Mặc dù sống chung nhà nhưng ông T không quan tâm đến vợ con, chỉ biết bản thân mình, sống vô trách nhiệm. Vợ chồng bà không còn ràng buộc nhau về kinh tế và sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Bà đã nộp đơn ly hôn một lần tại Tòa án nhân dân Quận 10 vào năm 2019 để ông T thay đổi cách sống, nhằm tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông T vẫn tính nào tặc. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung, Nguyễn Phan TT, sinh ngày 27/12/1998 (đã trưởng thành). Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung.

Bị đơn – ông Nguyễn Phan Trúc T trình bày ông có nhận được thông báo của Tòa án nhân dân Quận 10 sau khi Tòa án nhân dân Quận 10 tổng đạt thông báo thụ lý số 487/TB-TLVA ngày 02/11/2020 nhưng ông không có phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân Quận 10 thu thập chứng cứ xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân mâu thuẫn của bà Tr và ông T để làm rõ tình trạng hôn nhân của ông, bà nhưng Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 10 không có tiếp nhận yêu cầu hòa giải của bà Tr và ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu: Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán Hội đồng xét xử và Thư ký kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, bà Tr yêu cầu được ly hôn là tranh chấp quan hệ về hôn nhân và gia đình, bị đơn – ông Nguyễn Phan Trúc T có nơi cư trú tại Phường 6, Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy

định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr và ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2000 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 10 cấp ngày 14/01/2000, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân bà Tr và ông T là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của bà Tr, căn cứ vào lời khai của bà Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của bà và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, ông T biết bà Tr đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có thiện chí hoà giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình mặc dù Tòa án triệu tập ông nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 19, Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr.

[2.2] Về con chung: Bà Tr và ông T có 01 con chung, Nguyễn Phan TT, sinh ngày 27/12/1998 (đã trưởng thành). Về cấp dưỡng: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà Tr và ông T không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Tr phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Phước Tr và ông Nguyễn Phan Trúc T.

2. Về con chung: Bà Tr và ông T có 01 (một) con chung, Nguyễn Phan TT sinh ngày 27/12/1998 (đã trưởng thành).

3. Về cấp dưỡng: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Tr và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Tr và ông T không có nợ chung.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị Phước Tr chịu. Bà Tr đã nộp theo biên lai thu tiền số 0049645 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- UBND P.6, Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Mỹ Phương

